SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN NHI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57 /QĐ-BVPSNĐN	*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức Đào tạo thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỤ SẢN-NHI ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của UBND thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Đà Nẵng quản lý;

Căn cứ luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của phòng Chỉ đạo tuyến, Đào tạo và hợp tác quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Chỉ đạo tuyến – Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này **"Quy định tổ chức Đào tạo thực hành để cấp Giấy phép hành nghề khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng".**

Điều 2. Phòng Chỉ đạo tuyến, Đào tạo và Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các khoa, phòng liên quan tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện quy trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu: VT, CĐT.	**GIÁM ĐỐC** SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG BỆNH VIỆN PHỤ SẢN-NHI ĐÀ NẴNG **TS.BS. Trần Đình Vinh**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN-NHI ĐÀ NẴNG

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐÀO TẠO THỰC HÀNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN – NHI ĐÀ NẴNG

(Đính kèm Quyết định số 57 /QĐ-BVPSNĐN ngày 21 tháng 01 năm 2025)

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam;
- Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh

2. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất các bước tiếp nhận, tổ chức thực hành, quản lý học viên đến học tập và thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng.

3. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với tất cả các Bác sỹ, Dược sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên đã được cấp bằng tốt nghiệp các trường Đại học Y Dược và Cao đẳng Y trong nước và nước ngoài có nhu cầu học thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng.

4. ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH: Phòng Chỉ đạo tuyến – Đào tạo – Hợp tác Quốc tế

5. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH: (Phụ lục 01 đính kèm)

6. NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH: (Phụ lục 02 đính kèm)

7. HỌC PHÍ

- Tại BVPSNĐN: 1.650.000 VND/tháng/01 học viên.
- Tại BV Đà Nẵng: Theo quy định của BV Đà Nẵng

8. QUY TRÌNH TIẾP NHẬN HỌC VIÊN VÀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH: (Phụ lục 03 đính kèm)

9.ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ:

- Học viên nộp hồ sơ bản cứng tại Phòng Chỉ đạo tuyến, BV Phụ sản – Nhi Đà Nẵng, 402 Lê Văn Hiến, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Phụ luc 01

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ ĐỐI VỚI TỪNG NGÀNH

(Đính kèm Quyết định số 57 /QĐ-BVPSNĐN ngày 21 tháng 01 năm 2025)

STT	Đối tượng	HSCC		Các khoa chính		Các khoa khác		Ghi chú
		Thời gian	Khoa	Thời gian	Khoa	Thời gian	Khoa	
1	Bác sỹ Y khoa	03 tháng (01 khoa) hoặc 1,5 tháng (02 khoa)	1.Sơ sinh cấp cứu, HSTC và BL 2.Nhi cấp cứu, HSTC và Chống độc 3.Phẫu thuật -Gây mê và HSTC 4.Khám Đa khoa – Cấp cứu	02 tháng	**Sản: chọn 2 khoa, mỗi khoa 1 tháng** - Chẩn đoán trước sinh - Khoa Sinh - Sản bệnh lý - Phụ Ngoại - Phụ Nội - KHHGĐ - Hiếm muộn - Hậu sản dưỡng nhi	01 tháng tại 01 trong các khoa	- Liên chuyên khoa (Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt) - Phục hồi chức năng - Giải phẫu bệnh - Xét nghiệm -CĐHA và TDCN -Y học cổ truyền (Bệnh viện Đà Nẵng)	Tham gia các buổi tập huấn (2-4 tiết) về: -Quy định pháp luật về KCB; -Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề; -An toàn người bệnh; -Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề KCB; -KSNK cơ bản.
				02 tháng	**Nhi: chọn 2 khoa, mỗi khoa 1 tháng** - Nhi Tim mạch - Nhi Hô hấp - Nhi Tiêu hóa - Nhi Tự nguyện - Nhi Tổng hợp - Y học nhiệt đới – HSTC và Bệnh lý			
				02 tháng	Khoa Ngoại			
				02 tháng	Khoa nội tại Bệnh viện Đà Nẵng			

STT	Đối tượng		HSCC		Các khoa chính		Ghi chú
			Thời gian	Khoa	Thời gian	Khoa	
2	Bác sỹ Chuyên khoa	BS Chuyên khoa Nhi	03 tháng thực hành tại cáckhoa HSCC mỗi khoa 01 tháng	1. Khoa khám Đa khoa – Cấp cứu 2. Khoa Sơ sinh Cấp cứu, HSTC và Bệnh lý 3. Khoa Nhi Cấp cứu, HSTC và Chống độc	09 tháng	- Nhi Tim mạch - Nhi Hô hấp - Nhi Tiêu hóa - Nhi Tự nguyện - Nhi Tổng hợp -Y học nhiệt đới – HSTC và Bệnh lý	Tham gia các buổi tập huấn (2-4 tiết) về: -Quy định pháp luật về KCB; -Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề; -An toàn người bệnh; -Kỹ năng giao tiếp , ứng xử của người hành nghề KCB; -KSNK cơ bản.
		BS Chuyên khoa PHCN				Khoa Phục hồi chức năng	
		BS Chuyên khoa Sản		1. Khoa khám Đa khoa – Cấp cứu 2. Khoa Sơ sinh Cấp cứu, HSTC và Bệnh lý 3. Khoa Phẫu thuật, Gây mê và HSTC		Chẩn đoán trước sinh - Khoa Sinh - Sản bệnh lý - Phụ Ngoại - Phụ Nội - KHHGĐ - Hiếm muộn - Hậu sản dưỡng nhi	
		BS Chuyên khoa Ngoại Nhi	03 tháng thực hành tại các khoa HSCC (Chọn 3 trong 4 khoa, mỗi khoa 01 tháng)	1. Khoa khám Đa khoa – Cấp cứu 2. Khoa Sơ sinh Cấp cứu, HSTC và Bệnh lý 3. Khoa Nhi Cấp cứu, HSTC và Chống độc 4. Khoa Phẫu thuật, Gây mê và HSTC		Khoa Ngoại	
		BS Chuyên khoa Mắt				Khoa Liên chuyên khoa	
		BS Chuyên khoa Tai Mũi Họng				Khoa Liên chuyên khoa	

STT	Đối tượng		HSCC		Các khoa chính		Ghi chú
			Thời gian	Khoa	Thời gian	Khoa	
2	Bác sỹ Chuyên khoa	BS Chuyên khoa Gây mê Hồi sức	03 tháng thực hành tại cáckhoa HSCC mỗi khoa 01 tháng	1.Khoa khám Đa khoa – Cấp cứu 2.Khoa Sơ sinh Cấp cứu, HSTC và Bệnh lý 3.Khoa Nhi Cấp cứu, HSTC và Chống độc		Khoa Phẫu thuật – Gây mê và Hồi sức tích cực	Tham gia các buổi tập huấn (2-4 tiết) về: -Quy định pháp luật về KCB; -Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề; -An toàn người bệnh; -Kỹ năng giao tiếp , ứng xử của người hành nghề KCB; -KSNK cơ bản.
		BS Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	03 tháng thực hành tại các khoa HSCC (Chọn 3 trong 4 khoa, mỗi khoa 01 tháng)	1.Khoa khám Đa khoa – Cấp cứu 2.Khoa Sơ sinh Cấp cứu, HSTC và Bệnh lý 3.Khoa Nhi Cấp cứu, HSTC và Chống độc 4.Khoa Phẫu thuật, Gây mê và HSTC		Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Thăm dò chức năng	
		BS Chuyên khoa Sinh hoá, Huyết học				Khoa Xét nghiệm	
		BS Chuyên khoa Giải phẫu bệnh				Khoa Giải phẫu bệnh	

STT	Đối tượng	HSCC		Các khoa chính		Ghi chú
		Thời gian	Khoa	Thời gian	Khoa	
3	Bác sỹ RHM	03 tháng HV chọn 01 trong các khoa sau đây:	1. Sơ sinh cấp cứu , HSTC và BL 2. Nhi cấp cứu, HSTC và Chống độc 3. Phẫu thuật-Gây mê và HSTC	09 tháng	Đơn vị Răng hàm mặt của Liên chuyên khoa	Tham gia các buổi tập huấn (2-4 tiết) về: -Quy định pháp luật về KCB; -Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề; -An toàn người bệnh; -Kỹ năng giao tiếp , ứng xử của người hành nghề KCB; -KSNK cơ bản.
4	Điều dưỡng	01 tháng HV chọn 01 trong các khoa sau đây:		05 tháng HV chọn 05 khoa trong các khoa dưới đây mỗi khoa 01 tháng	- Nhi tim mạch - Nhi Hô hấp - Nhi Tiêu hóa - Nhi Tự nguyện - Nhi Tổng hợp - YHNĐ-HSTC và BL - Khoa Ngoại - Liên chuyên khoa - Khám Đa khoa-Cấp cứu	
5	Hộ sinh			05 tháng	- Chẩn đoán trước sinh - Khoa sinh - Sản bệnh lý - Phụ Ngoại - Phụ Nội - Kế hoạch hóa gia đình - Hiếm muộn - Hậu sản dưỡng nhi - Khám-Cấp cứu đa khoa	
6	KTV xét nghiệm y học			05 tháng	Khoa Xét nghiệm	
7	Kỹ thuật Hình ảnh Y học			05 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	
8	Kỹ thuật Phục hồi chức năng			05 tháng	Khoa Phục hồi chức năng	

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
(Đính kèm Quyết định số 57 /QĐ-BVPSNĐN ngày 21 tháng 01 năm 2025)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
1	Trần Đình Vinh		TS	SPK	1099/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Ban giám đốc
2	Phạm Chí Kông		TS	SPK	246/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/7/2012	KCB chuyên khoa phụ sản	Ban giám đốc
3	Phạm Minh Sơn		TS	SPK	1463/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	KCB chuyên khoa phụ sản	Chẩn đoán trước sinh
4	Lê Thị Mộng Tuyền		BSCKII	SPK	828/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Phụ sản tự nguyện
5	Vũ Văn Long		ThS	SPK	1095/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Kế hoạch hóa gia đình
6	Võ Thị Vy Lộc		BSCKII	SPK	933/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Hậu sản dưỡng nhi
7	Nguyễn Thị Thanh Nga		ThS	SPK	4697/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/10/2014	KCB chuyên khoa phụ sản	Sản bệnh lý
8	Huỳnh Thị Bích Ngọc		BSCKII	SPK	2991/ĐNA-CCHN cấp ngày 21/1/14	KCB chuyên khoa phụ sản	Chỉ đạo tuyến, Đào tạo và Hợp tác quốc tế
9	Lê Thị Ánh Tuyết		ThS	SPK	1366/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Khoa Sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
10	Diệp Thị Phương Thảo		BSCKI	SPK	831/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Khám Đa khoa – Cấp cứu
11	Trần Thị Lệ Hằng		BSCKI	SPK	4349/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014	KCB chuyên khoa phụ sản	Khám Đa khoa – Cấp cứu
12	Phan Tín		BSCKII	SPK	332/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/7/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Phụ ngoại
13	Đặng Công Tuân		BSCKI	SPK	1373/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/12	KCB chuyên khoa phụ sản	Phụ ngoại
14	Thái Xuân Ánh		ThS	SPK	4478/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/14	KCB chuyên khoa phụ sản	Hiếm muộn
15	Võ Thị Thanh Huyền		BSCKI	SPK	832/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	KCB chuyên khoa phụ sản	Hậu sản dưỡng nhi
16	Huỳnh Kim Quang		BSCKII	SPK	248/ĐNA-CCHN cấp ngày 06/7/2012	KCB chuyên khoa phụ sản	Sản bệnh lý
17	Nguyễn Phi Anh		BSCKII	SPK	1474/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2013	KCB chuyên khoa phụ sản	Phụ nội
18	Nguyễn Thị Mỹ Thảo		BSCKII	SPK	60/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2012	KCB chuyên khoa phụ sản	Hậu sản dưỡng nhi
19	Nguyễn Thị Phương Lê		BSCKII	SPK	1472/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2013	KCB chuyên khoa phụ sản	Hiếm muộn

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
20	Hà Thị Tiểu Di		BSCKII	SPK	1455/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2013	KCB chuyên khoa phụ sản	Chẩn đoán trước sinh
21	Nguyễn Văn Hiền		BSCKI	SPK	006695/ĐNA-CCHN cấp ngày 06/5/2017 760/QĐ-SYT Cấp ngày 08/6/2020	KCB chuyên khoa phụ sản	Hiếm muộn
22	Huỳnh Minh Nhật		BSCKI	SPK	006740/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/6/2017 61/QĐ-SYT ngày 17/01/2020	KCB chuyên khoa phụ sản	Phụ nội
23	Đào Quốc Việt		BSCKI	SPK	006696/ĐNA-CCHN cấp ngày 06/5/2017 761/QĐ-SYT Cấp ngày 08/6/2020	KCB chuyên khoa phụ sản	Hiếm muộn
24	Vũ Huy Đạt		BSCKI	SPK	004365/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014 452/QĐ-SYT cấp ngày 02/5/2019	KCB chuyên khoa phụ sản	Kế hoạch hóa gia đình
25	Hoàng Văn Quy		BSCKI	SPK	004461/ĐNA-CCHN cấp ngày 9/6/2014 04/QĐ-SYT Cấp ngày 02/01/2020	KCB chuyên khoa phụ sản	Phụ ngoại
26	Trần Đình Lê Khánh		BSCKI	SPK	006690/ĐNA-CCHN cấp ngày 05/06/2017	KCB chuyên khoa phụ sản	Chẩn đoán trước sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
					63/QĐ-SYT Cấp ngày 17/01/2020		
27	Trần Trung Quyết		BSCKI	SPK	0005464/ĐNA-CCHN cấp ngày 14/8/2015 574/QĐ-SYT Cấp ngày 27/3/2020	KCB chuyên khoa phụ sản	Phụ nội
28	Hồ Ngọc Bích Thủy		BSCKI	SPK	004506/ĐNA-CCHN cấp ngày 9/6/2014	KCB chuyên khoa phụ sản	Sản tự nguyện
29	Nguyễn Thị Lệ Kế		BSCKI	SPK	004364/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014 772/QĐ-SYT ngày 27/9/2018	KCB chuyên khoa phụ sản	Hậu sản dưỡng nhi
30	Huỳnh Thị Thu Thảo		BSCKI	SPK	004304/ĐNA-CCHN cấp ngày 30/6/2014	KCB chuyên khoa phụ sản	Khám Đa khoa Cấp cứu
31	Trần Thị Hoàng	PGS	Tiến sĩ	Nhi khoa	3806/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/4/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
32	Trần Văn Đào		BSCKII	Nhi khoa	1460/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tiêu hóa
33	Đặng Văn Hào		BSCKII	Nhi khoa	2041/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2013	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tổng hợp
34	Thái Thị Thanh Thủy		BSCKII	Nhi khoa	666/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/10/2012	KCB chuyên khoa Nhi	Quản lý chất lượng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
35	Võ Kim Điền		BSCKII	Nhi khoa	1115/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tim mạch
36	Trần Thế Tạo		ThS	Nhi khoa	1582/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/13	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Hô hấp
37	Nguyễn Thị Hoàng Hà		BSCKII	Nhi khoa	1515/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tiêu hóa
38	Nguyễn Thị Dạ Thảo		ThS	Nhi khoa	4589/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/14	KCB chuyên khoa Nhi	Khám Đa khoa Cấp cứu
39	Đinh Thị Ý Thơ		ThS	Nhi khoa	4913/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/12/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tiêu hóa
40	Võ Đức Minh		BSCKII	Nhi khoa	1487/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/13	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tim mạch
41	Nguyễn Thị Thuận		ThS	Nhi khoa	6430/ĐNA-CCHN cấp ngày 27/12/2016	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tổng hợp
42	Huỳnh Văn Lộc		ThS	Nhi khoa	4613/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/14	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi Tự nguyện
43	Bùi Thị Minh Hiền		BSCKI	Nhi khoa	773/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/12	KCB chuyên khoa Nhi	Kế hoạch tổng hợp
44	Lê Văn Dũng		ThS	Nhi khoa	1410/QNA-CCHN cấp ngày 9/12/13	KCB chuyên khoa Nhi	Khám Đa khoa Cấp cứu
45	Hoàng Thị Thu Thủy		ThS	Nhi khoa	4287/ĐNA-CCHN cấp ngày 30/6/14	KCB chuyên khoa Nhi	Khám Đa khoa Cấp cứu

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
46	Huỳnh Thị Lệ		ThS	Nhi khoa	4744/ĐNA-CCHN cấp ngày 8/10/14	KCB chuyên khoa Nhi	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
47	Ngô Thị Hoa		ThS	Nhi khoa	6253/ĐNA-CCHN cấp ngày 23/9/2016	KCB chuyên khoa Nhi	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
48	Nguyễn Thị Thu Phương		ThS	Nhi khoa	6012/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/5/2016	KCB chuyên khoa Nhi	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
49	Trần Long Quân		ThS	Nhi khoa	4459/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/14	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi CC – HSTC và chống độc
50	Võ Hữu Hội		BSCKII	Nhi khoa	1653/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi CC – HSTC và chống độc
51	Trần Văn Hòa		ThS	Nhi khoa	4768/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/11/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi CC – HSTC và chống độc
52	Trần Quang Anh		ThS	Nhi khoa	1619/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/13	KCB chuyên khoa Nhi	Khám Đa khoa Cấp cứu
53	Nguyễn Văn Ngữ		ThS	Nhi khoa	248/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/7/2012	KCB chuyên khoa Nhi	Nhi tự nguyện
54	Nguyễn Hải Thịnh		ThS	Nhi khoa	004761/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/11/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Y học nhiệt đới nhi – HSTC và bệnh lý
55	Đỗ Thị Hà		BSCKI	Nhi khoa	004524/ĐNA-CCHN cấp ngày 06/9/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Y học nhiệt đới nhi – HSTC và bệnh lý
56	Lê Thị Thúy Quỳnh		BSCKI	Nhi khoa	004336/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Y học nhiệt đới nhi – HSTC và bệnh lý

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
57	Trần Văn Linh		BSCKI	Nhi khoa	006481/ĐNA-CCHN cáp ngày 02/02/2017	KCB chuyên khoa Nhi	Y học nhiệt đới nhi – HSTC và bệnh lý
58	Nguyễn Thiên Nhật Hồng		ThS	Nhi khoa	007913/ĐNA-CCHN cấp ngày 03/9/2019	KCB chuyên khoa Nhi	Y học nhiệt đới nhi – HSTC và bệnh lý
59	Nguyễn Phi Phong		ThS	Ngoại	1593/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/13	KCB chuyên khoa Ngoại nhi	Ngoại nhi
60	Lê Đức Toàn		ThS	Ngoại	000969/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012 721/QĐ-SYT ngày 02/7/2019	KCB chuyên khoa Ngoại nhi	Ngoại nhi
61	Trần Tấn Liêm		ThS	Ngoại	001477/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2013 1169/QĐ-SYT cấp ngày 17/10/2019	KCB chuyên khoa Ngoại nhi	Ngoại nhi
62	Nguyễn Lê Minh Thuận		Bác sĩ	Ngoại	5695/ĐNA-CCHN cấp ngày 17/11/2015	KCB chuyên khoa Ngoại nhi	Ngoại nhi
63	Lê Mạnh Hoàng		BSCKI	Tai mũi họng	1598/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/13	KCB chuyên khoa TMH	Mắt – THH - RHM
64	Nguyễn Thị Mỹ Lan		Đại học	Tai mũi họng	4548/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	KCB chuyên khoa TMH	Mắt – THH - RHM
65	Lê Thị Việt Ấn		ThS	Tai mũi họng	4330/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014	KCB chuyên khoa TMH	Mắt – THH - RHM

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
66	Nguyễn Thị An		ThS	Tai mũi họng	7668/BYT-CCHN cấp ngày 30/9/2013	KCB chuyên khoa TMH	Mắt – THH - RHM
67	Lê Thị Thu Hà		BSCKI	Răng hàm mặt	39/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2012	KCB chuyên khoa RHM	Mắt – THH - RHM
68	Nguyễn Thị Trà Lộc		ThS	Răng hàm mặt	1133/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	KCB chuyên khoa RHM	Mắt – THH - RHM
69	Huỳnh Thị Ngọc Châu		ThS	Răng hàm mặt	3183/ĐNA-CCHN cấp ngày 12/2/2014	KCB chuyên khoa RHM	Mắt – THH - RHM
70	Đỗ Thị Thanh Hảo		BS	Răng hàm mặt	008410/ ĐNA-CCHN cấp ngày 27/8/2019	KCB chuyên khoa RHM	Mắt – THH - RHM
71	Nguyễn Lê Ngọc Trang		BS	Răng hàm mặt	008412/ ĐNA-CCHN cấp ngày 27/8/2019	KCB chuyên khoa RHM	Mắt – THH - RHM
72	Nguyễn Thị Chung Toàn		BSCKI	Mắt	006544/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/2/2017	KCB chuyên khoa Mắt	Mắt – THH - RHM
73	Lê Thị Long		BSCKI	Gây mê hồi sức	1652/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/13	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực
74	Nguyễn Tiến Phan		BSCKII	Gây mê hồi sức	006521/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/02/2017	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực
75	Phan Thị Luyến		BSCKI	Gây mê hồi sức	004578/ĐNA-CCHN cấp ngày 9/6/2014 1042/QĐ-SYT	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
					cấp ngày 13/9/2019		
76	Hồ Phước Tuấn		BSCKI	Gây mê Hồi sức	006988/ĐNA-CCHN cấp ngày 09/5/2017	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực
77	Đinh Thị Thanh Hà		BSCKI	Gây mê Hồi sức	000991/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực
78	Nguyễn Hữu Hưng		BSCKI	Gây mê Hồi sức	006895/ĐNA-CCHN cấp ngày 08/012017 1150/QĐ-SYT cấp ngày 11/10/2019	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực
79	Nguyễn Thế Lĩnh		BSCKI	Gây mê Hồi sức	006027/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/5/2016	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực
80	Nguyễn Văn Luân		BSCKI	Gây mê Hồi sức	006188/ĐNA-CCHN cấp ngày 08/8/2016 795/QĐ-SYT cấp ngày 12/7/2017	KCB chuyên khoa GMHS	Phẫu thuật, Gây mê và HS tích cực

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
81	Trần Thị Ngọc Tuệ		BSCKI	Huyết học - Truyền máu	0082/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2012	KCB chuyên khoa Huyết học	Xét nghiệm
82	Trần Tú Trinh		BS	Huyết học - Truyền máu	0082/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2012	KCB chuyên khoa Huyết học	Xét nghiệm
83	Võ Thị Hậu		ThS	Khoa học Y sinh	006116/ĐNA-CCHN cấp ngày 13/7/2016 1121/QĐ-SYT cấp ngáy 07/10/2017	KCB chuyên khoa Sinh hóa	Xét nghiệm
84	Phạm Thị Khánh Hòa		BSCKI	Chẩn đoán hình ảnh và Thăm dò chức năng	3138/ĐNA-CCHN cấp ngày 31/3/2014	KCB chuyên khoa CĐHA	Chẩn đoán hình ảnh
85	Nguyễn Văn Phước		BS	Chẩn đoán hình ảnh và Thăm dò chức năng	000674/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/5/2012	KCB chuyên khoa CĐHA	Chẩn đoán hình ảnh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
86	Huỳnh Văn Tý		BSCKI	Phục hồi chức năng	80/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2012	KCB chuyên khoa PHCN	Phục hồi chức năng
87	Phạm Quỳnh Thư		BS	Phục hồi chức năng	006586/ĐNA-CCHN cấp ngày 21/3/2017 974/QĐ-SYT ngày 11/12/2018	KCB chuyên khoa PHCN	Phục hồi chức năng
88	Ngô Thị Cẩm Vân		BS	Phục hồi chức năng	6024/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/5/2016 149/QĐ-SYT cấp ngày 19/2/2022	KCB chuyên khoa PHCN	Phục hồi chức năng
89	Nguyễn Quang Tuấn		ThS	Giải phẫu bệnh	003533/ĐNA-CCHN cấp ngày 3/20/2014	KCB chuyên khoa GPB	Giải phẫu bệnh
90	Tạ Thị Minh Phượng		ThS	Giải phẫu bệnh	006319/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/5/2016	KCB chuyên khoa GPB	Giải phẫu bệnh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
91	Lưu Thị Mỹ Hạnh		BSCKI	Nhi khoa	004520/ĐNA-CCHN cấp ngày 9/6/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
92	Nguyễn Bá Mai Phương		BSCKI	Nhi khoa	004766/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/11/2014	KCB chuyên khoa Nhi	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
93	Lưu Thị Bốn		Đại học	Điều dưỡng	4590/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng
94	Lê Anh Nhã		Đại học	Điều dưỡng	4666/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
95	Nguyễn Thị Thu Vân		Đại học	Điều dưỡng	2091/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/9/2013	Điều dưỡng viên	Y học nhiệt đới nhi – HSTC và bệnh lý
96	Nguyễn Thị Chi		Đại học	Điều dưỡng	1561/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Điều dưỡng viên	Mắt – TMH – RHM

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
97	Trần Thị Vân Anh		Đại học	Điều dưỡng	4465/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Dinh dưỡng
98	Lê Thị Hà		Đại học	Điều dưỡng	4541/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
99	Huỳnh Thị Thu Hường		Đại học	Điều dưỡng	1163/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Điều dưỡng viên	Nhi Tự nguyện
100	Nguyễn Thị Tương		Đại học	Điều dưỡng	004483/ĐNA-CCHN cấp ngày 06/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp
101	Lê Như Hằng		Đại học	Điều dưỡng	3435/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/320/14	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
102	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Đại học	Điều dưỡng	1159/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Điều dưỡng viên	Ngoại

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
103	Trần Thị Nhi Tâm		Đại học	Điều dưỡng	001158/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Điều dưỡng viên	Nhi Tiêu hóa
104	Phan Thị Thu Hiền		Đại học	Điều dưỡng	005089/ĐNA-CCHN cấp ngày 30/3/2015	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng
105	Võ Trần Thanh Thảo		Đại học	Điều dưỡng	026296/HNO-CCHN cấp ngày 19/12/2018	Điều dưỡng viên	Điều dưỡng
106	Cao Phương Dung		Đại học	Điều dưỡng	1758/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/13	Điều dưỡng viên	Ngoại
107	Võ Thị Phượng		Đại học	Điều dưỡng	886/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Khám Đk - CC
108	Cao Thị Thanh Tuyết		Đại học	Điều dưỡng	001560/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
109	Nguyễn Thị Trúc Phương		Đại học	Điều dưỡng	000790/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
110	Phạm Thị Ái Vân		Đại học	Điều dưỡng	001609/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/02/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
111	Ngô Thị Bích Ngọc		Đại học	Điều dưỡng	001002/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
112	Nguyễn Thị Minh Thu		Đại học	Điều dưỡng	001108/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
113	Nguyễn Thị Thanh Hạnh		Đại học	Điều dưỡng	001030/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
114	Đặng Thị Xuân		Đại học	Điều dưỡng	001580/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
115	Vũ Thị Mỹ Giang		Đại học	Điều dưỡng	002678/ĐNA-CCHN cấp ngày 12/12/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
116	Phạm Thị Kim Hải		Đại học	Điều dưỡng	005533/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/9/2015	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
117	Nguyễn Thị Hằng		Đại học	Điều dưỡng	002824/ĐNA-CCHN cấp ngày 27/12/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
118	Nguyễn Thị Mỹ Hiền		Đại học	Điều dưỡng	008103/QNA-CCHN cấp ngày 15/5/2020	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
119	Nguyễn Thị Hòa		Đại học	Điều dưỡng	00004143/QT-CCHN cấp ngày 1/12/2020	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
120	Phạm Thị Kiều		Đại học	Điều dưỡng	003620/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/4/2014	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
121	Đặng Thị Lợi		Đại học	Điều dưỡng	002943/ĐNA-CCHN cấp ngày 27/12/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
122	Trần Tiêu Thiên Ngân		Đại học	Điều dưỡng	007950/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/3/2019	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
123	Trương Thị Tuyết Nhi		Đại học	Điều dưỡng	006721/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/6/2017	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
124	Lê Thị Thủy		Đại học	Điều dưỡng	001244/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/8/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tổng hợp
125	Đinh Nguyễn Hoài Anh		Đại học	Điều dưỡng	001760/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tự nguyện
126	Trần Thị Lệ Hân		Đại học	Điều dưỡng	004824/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/11/2014	Điều dưỡng viên	Nhi Tự nguyện

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
127	Đào Thị Liệu		Đại học	Điều dưỡng	004463/ĐNA-CCHN cấp ngày 07/02/2023	Điều dưỡng viên	Nhi Tự nguyện
128	Ngô Thị Lời		Đại học	Điều dưỡng	006300/ĐNA-CCHN cấp ngày 16/01/2023	Điều dưỡng viên	Nhi Tự nguyện
129	Đặng Thị Thu		Đại học	Điều dưỡng	007954/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/3/2019	Điều dưỡng viên	Nhi Tự nguyện
130	Trần Thị Kiều Giang		Đại học	Điều dưỡng	00007083/BĐ-CCHN cấp ngày 20/7/2020	Điều dưỡng viên	Nhi Tự nguyện
131	Phùng Văn Chung		Đại học	Điều dưỡng	006810/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/7/2017	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
132	Nguyễn Thị Thu Hiền		Đại học	Điều dưỡng	002697/ĐNA-CCHN cấp ngày 12/12/2013	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
133	Trần Thị Lành		Đại học	Điều dưỡng	007145/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/11/2017	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
134	Võ Thị Phương Loan		Đại học	Điều dưỡng	007758/ĐNA - CCHN cấp ngày 22/10/2018	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
135	Phạm Thị Yến Nhi		Đại học	Điều dưỡng	007741/ĐNA-CCHN cấp ngày 22/10/2018	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
136	Nguyễn Thị Hoài Thu		Đại học	Điều dưỡng	009464/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/5/2022	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
137	Nguyễn Thanh Thủy		Đại học	Điều dưỡng	007169/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/11/2017	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
138	Lê Xuân Trinh		Đại học	Điều dưỡng	005798/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/01/2016	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
139	Nguyễn Thị Xuyến		Đại học	Điều dưỡng	006277/ĐNA-CCHN cấp ngày 23/9/2016	Điều dưỡng viên	Nhi Tim mạch
140	Huỳnh Mỹ Dung		Đại học	Điều dưỡng	001156/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
141	Huỳnh Thị Diểm Chinh		Đại học	Điều dưỡng	004515/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
142	Trịnh Thị Hồng Hợp		Đại học	Điều dưỡng	003850/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/4/2014	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
143	Phạm Thị Hoa Trang		Đại học	Điều dưỡng	004607/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
144	Nguyễn Thị Thùy Trang		Đại học	Điều dưỡng	002484/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/12/2013	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
145	Trương Thị Ánh Linh		Đại học	Điều dưỡng	008144/ĐNA-CCHN cấp ngày 19/6/2019	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
146	Thái Thị Ngân		Đại học	Điều dưỡng	007146/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/11/2017	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
147	Trần Thanh Phượng		Đại học	Điều dưỡng	009477/ĐNA-CCHN cấp ngày 16/6/2022	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
148	Phạm Thị Kim Chi		Đại học	Điều dưỡng	009521/ĐNA-CCHN cấp ngày 30/6/2022	Điều dưỡng viên	Nhi tiêu hóa
149	Nguyễn Thị Kim Oanh		Đại học	Điều dưỡng	006719/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/5/2017	Điều dưỡng viên	Tim mạch
150	Ngô Thị Mỹ Trang		Đại học	Điều dưỡng	004564/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
151	Đoàn Thị Út		Đại học	Điều dưỡng	004614/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp
152	Huỳnh Thị Thanh Hiền		Đại học	Điều dưỡng	004542/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp
153	Trần Thị Nga		Đại học	Điều dưỡng	005807/ĐNA-CCHN cấp ngày 1/11/2016	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp
154	Huỳnh Thị Hoài Thương		Đại học	Điều dưỡng	000897/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp
155	Phan Uyên Phương		Đại học	Điều dưỡng	007824/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/12/2018	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp
156	Nguyễn Thị Thu Giang		Đại học	Điều dưỡng	007027/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/9/2017	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
157	Nguyễn Thị Lệ Sương		Đại học	Điều dưỡng	006088/ĐNA-CCHN cấp ngày 3/7/2018	Điều dưỡng viên	Nhi Hô hấp
158	Trần Thị Diệu		Đại học	Điều dưỡng	003048/ĐNA-CCHN cấp ngày 21/01/2014	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
159	Ngô Thị Tuyết Hạnh		Đại học	Điều dưỡng	006522/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/2/2017	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
160	Nguyễn Đức Tuệ Hiền		Đại học	Điều dưỡng	003705/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/4/2014	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
161	Đặng Thị Mùa		Đại học	Điều dưỡng	009316/ĐNA-CCHN cấp ngày 1/12/2021	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
162	Nguyễn Văn Quyết		Đại học	Điều dưỡng	009317/ĐNA-CCHN cấp ngày 1/12/2021	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
163	Võ Thị Tâm		Đại học	Điều dưỡng	004522/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
164	Lê Tâm		Đại học	Điều dưỡng	004366/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
165	Trần Thanh Thảo		Đại học	Điều dưỡng	008097/ĐNA-CCHN cấp ngày 1/6/2019	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
166	Nguyễn Thị Trúc		Đại học	Điều dưỡng	009319/ĐNA-CCHN cấp ngày 1/12/2021	Điều dưỡng viên	Nhi CC – HSTC và chống độc
167	Nguyễn Việt Bắc		Đại học	Điều dưỡng	003966/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/5/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
168	Lê Trọng Đại		Đại học	Điều dưỡng	006501/ĐNA-CCHN cấp ngày 2/2/2017	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
169	Nguyễn Thị Diệu		Đại học	Điều dưỡng	005467/ĐNA-CCHN cấp ngày 14/8/2015	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
170	Đỗ Thị Hải		Đại học	Điều dưỡng	004379/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
171	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp		Đại học	Điều dưỡng	007904/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/2/2019	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
172	Phạm Thị Thu Hương		Đại học	Điều dưỡng	003867/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/4/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
173	Nguyễn Thị Minh Huyên		Đại học	Điều dưỡng	008799/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/6/2020	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
174	Phạm Thị Khánh		Đại học	Điều dưỡng	004462/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
175	Nguyễn Nhã Yến Linh		Đại học	Điều dưỡng	009687/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/12/2022	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
176	Trương Thỵ Khánh Ly		Đại học	Điều dưỡng	005913/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2016	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
177	Hà Thị Ngân		Đại học	Điều dưỡng	003793/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/4/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
178	Võ Thị Như Ngọc		Đại học	Điều dưỡng	009384/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/1/2022	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
179	Nguyễn Thị Mỹ Nhung		Đại học	Điều dưỡng	003798/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/4/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
180	Đặng Thị Phồn		Đại học	Điều dưỡng	004049/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/5/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
181	Trần Lê Tuyết Phương		Đại học	Điều dưỡng	004026/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/5/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
182	Hồ Hoàng Phương		Đại học	Điều dưỡng	007892/QNA-CCHN cấp ngày 20/2/2020	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và Bệnh lý
183	Lê Công Thành		Đại học	Điều dưỡng	005670/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
184	Nguyễn Ngọc Anh Thư		Đại học	Điều dưỡng	009406/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/1/2022	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
185	Nguyễn Thị Thanh Tiền		Đại học	Điều dưỡng	007507/ĐNA-CCHN cấp ngày 22/6/2018	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
186	Trịnh Thị Trang		Đại học	Điều dưỡng	003709/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/4/2014	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
187	Hồ Nữ Thiên Trang		Đại học	Điều dưỡng	007154/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/11/2017	Điều dưỡng viên	Sơ sinh CC – HSTC và bệnh lý
188	Trương Thị Thiện		Đại học	Điều dưỡng	001730/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2013	Điều dưỡng viên	Khám đa khoa - Cấp cứu
189	Phạm Thị Thanh		Đại học	Điều dưỡng	001190/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/8/2013	Điều dưỡng viên	Khám đa khoa - Cấp cứu
190	Huỳnh Thị Kim Dung		Đại học	Điều dưỡng	009603/ĐNA-CCHN cấp ngày 19/9/2022	Điều dưỡng viên	Khám đa khoa - Cấp cứu
191	Nguyễn Thị Kim Dung		Đại học	Điều dưỡng	005122/ĐNA-CCHN cấp ngày 23/4/2015	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
192	Nguyễn Thị Thùy Dung		Đại học	Điều dưỡng	005783/ĐNA-CCHN cấp ngày 1/11/2016	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
193	Lê Thị Hồng Gấm		Đại học	Điều dưỡng	009377/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/1/2022	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
194	Nguyễn Thị Huệ		Đại học	Điều dưỡng	006731/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/6/2017	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
195	Lâm Thị Thu Nhung		Đại học	Điều dưỡng	005128/ĐNA-CCHN cấp ngày 23/4/2015	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
196	Phan Thị Thanh Thảo		Đại học	Điều dưỡng	006673/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/5/2017	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
197	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		Đại học	Điều dưỡng	007474/ĐNA-CCHN cấp ngày 22/6/2018	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
198	Nguyễn Đức Thuận		Đại học	Điều dưỡng	005509/ĐNA-CCHN cấp ngày 9/7/2015	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
199	Đặng Thị Thủy Tiên		Đại học	Điều dưỡng	005787/ĐNA-CCHN cấp ngày 01/11/2016	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
200	Hồ Thị Cẩm Tú		Đại học	Điều dưỡng	008980/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/11/2020	Điều dưỡng viên	Khám ĐK - CC
201	Phan Thị Minh Thúy		Đại học	Điều dưỡng	001236/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/8/2022	Điều dưỡng viên	
202	Lê Thị Mỹ Nhung		Đại học	Điều dưỡng	009447/ĐNA-CCHN cấp ngày 13/9/2019	Điều dưỡng viên	
203	Nguyễn Thị Như Quỳnh		Đại học	Điều dưỡng	004306/ĐNA-CCHN cấp ngày 30/6/2014	Điều dưỡng viên	
204	Nguyễn Thị Bích Liên		Đại học	Điều dưỡng	008421/ĐNA-CCHN cấp ngày 27/8/2019	Điều dưỡng viên	Ngoại

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
205	Nguyễn Thị Mỵ Luy		Đại học	Điều dưỡng	001011/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Điều dưỡng viên	Ngoại
206	Dương Tiểu My		Đại học	Điều dưỡng	004863/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/11/2014	Điều dưỡng viên	Ngoại
207	Nguyễn Thị Phương Hà		Đại học	Điều dưỡng	003800/ĐNA-CCHN cấp ngày 17/11/2015	Điều dưỡng viên	Ngoại
208	Uông Thị Hương		Đại học	Điều dưỡng	001197/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/8/2013	Điều dưỡng viên	Ngoại
209	Bùi Thị Hương Duyên		Đại học	Điều dưỡng	001195/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/8/2013	Điều dưỡng viên	Ngoại
210	Trần Thị Anh Đào		Đại học	Điều dưỡng	005586/ĐNA-CCHN cấp ngày 12/10/2015	Điều dưỡng viên	Ngoại

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
211	Lê Thúy An		Đại học	Điều dưỡng	004808/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/11/2014	Điều dưỡng viên	Ngoại
212	Nguyễn Thị Tuyết		Đại học	Điều dưỡng	001736/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2013	Điều dưỡng viên	Ngoại
213	Ngô Thị Tịnh Tâm		Đại học	Điều dưỡng	001635/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	Điều dưỡng viên	Ngoại
214	Nguyễn Thùy Vân		Đại học	Điều dưỡng	000833/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Ngoại
215	Lê Thị Mỹ Trang		Đại học	Điều dưỡng	001587/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	Điều dưỡng viên	Ngoại
216	Cao Phương Dung		Đại học	Điều dưỡng	001758/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2013	Điều dưỡng viên	Ngoại

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
217	Nguyễn Thị Nga		Đại học	Điều dưỡng	000849/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Ngoại
218	Nguyễn Thị Hoa		Đại học	Điều dưỡng	000896/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Ngoại
219	Nguyễn Thị Việt Kiều		Đại học	Điều dưỡng	008615/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2020	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
220	Dương Thị Lãnh		Đại học	Điều dưỡng	003827/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/4/2014	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
221	Nguyễn Bá Danh		Đại học	Điều dưỡng	001822/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/7/2013	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
222	Phạm Thị Hoàng Dung		Đại học	Điều dưỡng	006891/ĐNA-CCHN cấp ngày 08/1/2017	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
223	Nguyễn Thị Phương Dung		Đại học	Điều dưỡng	00000720 /ĐNA-CCHN cấp ngày 10/5/2012	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
224	Nguyễn Thị Gấm		Đại học	Điều dưỡng	004934/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/12/2014	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
225	Nguyễn Thị Lệ Hóa		Đại học	Điều dưỡng	008544/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/11/2019	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
226	Thái Thị Trinh		Đại học	Điều dưỡng	004464/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
227	Lê Thị Thu Nguyệt		Đại học	Điều dưỡng	001006/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC
228	Phan Thị Ái Nguyện		Đại học	Điều dưỡng	000930/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Điều dưỡng viên	Phẫu thuật – Gây mê và HSTC

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
229	Nguyễn Như Hoa		Đại học	Điều dưỡng	008547/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/11/2019	Điều dưỡng viên	Mắt – TMH - RHM
230	Ngô Thị Thúy Hằng		Đại học	Điều dưỡng	008185/QNA-CCHN cấp ngày 22/6/2020	Điều dưỡng viên	Mắt – TMH - RHM
231	Rơ Châm Thúy Vân		Đại học	Điều dưỡng	009481/ĐNA-CCHN cấp ngày 16/6/2022	Điều dưỡng viên	Mắt – TMH - RHM
232	Trần Thị Huỳnh Nam		Đại học	Điều dưỡng	004334/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/7/2014	Điều dưỡng viên	Khám đa khoa - Cấp cứu
233	Võ Trần Thùy Na		Đại học	Điều dưỡng	001698/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/03/2013	Điều dưỡng viên	Khám đa khoa - Cấp cứu
234	Trần Hoàng Sương		Đại học	Hộ sinh	1443/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Chẩn đoán trước sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
235	Phạm Thị Thanh Huyền		Đại học	Hộ sinh	1379/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Phụ Ngoại
236	Phạm Thị Hường		Đại học	Hộ sinh	1016/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/12	Hộ sinh viên	Khám đa khoa - Cấp cứu
237	Thái Thị La Hòa		Đại học	Hộ sinh	931/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản dưỡng nhi
238	Đào Thị Kiều Hương		Đại học	Hộ sinh	1038/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sinh
239	Hoàng Thị Huệ		Đại học	Hộ sinh	1017/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Phụ sản tự nguyện
240	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		Đại học	Hộ sinh	1420/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/01/2013	Hộ sinh viên	Phụ nội

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
241	Lê Thị Thanh Bảo		Đại học	Hộ sinh	1425/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2023	Hộ sinh viên	Hiếm muộn
242	Dương Thị Kim Thoa		Đại học	Hộ sinh	001727/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/6/2013	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
243	Thái Thị Phương		Đại học	Hộ sinh	001634/ĐNA-CCHN cấp ngày 2/18/2013	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
244	Lý Mỹ Yến		Đại học	Hộ sinh	000977/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/28/2012	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
245	Nguyễn Thị Lang Phương		Đại học	Hộ sinh	001684/ĐNA-CCHN cấp ngày 3/15/2013	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
246	Lê Thị Liên		Đại học	Hộ sinh	001637/ĐNA-CCHN cấp ngày 2/18/2013	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
247	Đoàn Thị Thông		Đại học	Hộ sinh	001074/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/28/2012	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
248	Lê Thị Hồng		Đại học	Hộ sinh	003063/ĐNA-CCHN cấp ngày 1/21/2014	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
249	Trần Thị Diệu Huyền		Đại học	Hộ sinh	11315/ĐNAI-CCHN cấp ngày1/14/2019	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
250	Trần Thị Loan		Đại học	Hộ sinh	000905/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Hộ sinh viên	Kế hoạch hóa gia đình
251	Huỳnh Thị Kim Thu		Đại học	Hộ sinh	001652/QND-CCHN cấp ngày 20/12/2013	Hộ sinh viên	Chẩn đoán trước sinh
252	Nguyễn Thị Bích Liễu		Đại học	Hộ sinh	001981/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/8/2013	Hộ sinh viên	Chẩn đoán trước sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
253	Đinh Thị Kim Hồng		Đại học	Hộ sinh	002965/ĐNA-CCHN cấp ngày 21/1/2014	Hộ sinh viên	Chẩn đoán trước sinh
254	Nguyễn Thị Quỳnh Như		Đại học	Hộ sinh	005551/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/9/2015	Hộ sinh viên	Chẩn đoán trước sinh
255	Lê Thị Thùy Trang		Đại học	Hộ sinh	007118/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/10/2017	Hộ sinh viên	Chẩn đoán trước sinh
256	Trần Thị Bích		Đại học	Hộ sinh	001404/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Sinh
257	Dương Thị Mỹ Phượng		Đại học	Hộ sinh	001037/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sinh
258	Thái Thị Hoài		Đại học	Hộ sinh	001035/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
259	Trần Thị Lũy		Đại học	Hộ sinh	001148/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Sinh
260	Nguyễn Thị Minh Tuấn		Đại học	Hộ sinh	000891/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Hộ sinh viên	Sinh
261	Trần Thị Ánh Nga		Đại học	Hộ sinh	000842/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Hộ sinh viên	Sinh
262	Nguyễn Thị Trúc Giang		Đại học	Hộ sinh	001155/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Sinh
263	Lê Thị Thu Hằng		Đại học	Hộ sinh	000934/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sinh
264	Vũ Thị Nhật Thủy		Đại học	Hộ sinh	001036/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
265	Trần Thị Kim Quy		Đại học	Hộ sinh	001590/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	Hộ sinh viên	Sinh
266	Bùi Thị Thanh		Đại học	Hộ sinh	001839/ĐNA-CCHN cấp ngày 5/7/2013	Hộ sinh viên	Sinh
267	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		Đại học	Hộ sinh	002072/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/9/2013	Hộ sinh viên	Sinh
268	Trần Thị Chi Mai		Đại học	Hộ sinh	002128/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/10/2013	Hộ sinh viên	Sinh
269	Nguyễn Thị Thanh		Đại học	Hộ sinh	007612/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/7/2018	Hộ sinh viên	Sinh
270	Đặng Thị Thanh Tâm		Đại học	Hộ sinh	007264/ĐNA-CCHN cấp ngày 21/02/2018	Hộ sinh viên	Sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
271	Võ Thúy Hằng		Đại học	Hộ sinh	007639/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/8/2018	Hộ sinh viên	Sinh
272	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh		Đại học	Hộ sinh	002133/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/10/2013	Hộ sinh viên	Sinh
273	Mai Thị Phương Lan		Đại học	Hộ sinh	007117/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/10/2017	Hộ sinh viên	Sinh
274	Nguyễn Thị Kim Chi		Đại học	Hộ sinh	001315/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2013	Hộ sinh viên	Sinh
275	Lê Thị Hiền		Đại học	Hộ sinh	000735/ ĐNA-CCHN cấp ngày 10/5/2012	Hộ sinh viên	Sinh
276	Nguyễn Thị Thu Huyền		Đại học	Hộ sinh	001321/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2013	Hộ sinh viên	Sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
277	Trần Thị Ngọc Lan		Đại học	Hộ sinh	008147/ĐNA-CCHN cấp ngày 19/6/2019	Hộ sinh viên	Sinh
278	Trần Thị Linh		Đại học	Hộ sinh	003711/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/4/2014	Hộ sinh viên	Sinh
279	Tạ Thị Ngọc Ly		Đại học	Hộ sinh	002873/ĐNA-CCHN cấp ngày 27/12/201	Hộ sinh viên	Sinh
280	Trần Thị Hồng Minh		Đại học	Hộ sinh	001292/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2013	Hộ sinh viên	Sinh
281	Võ Thị Nhung		Đại học	Hộ sinh	006028/ĐNA-CCHN cấp ngày 20/5/2016	Hộ sinh viên	Sinh
282	Trương Thị Tuyết Nhung		Đại học	Hộ sinh	002728/ĐNA-CCHN cấp ngày 12/12/2013	Hộ sinh viên	Sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
283	Trịnh Thị Kim Phụng		Đại học	Hộ sinh	002318/ĐNA-CCHN cấp ngày 13/11/2013	Hộ sinh viên	Sinh
284	Trịnh Thị Thúy		Đại học	Hộ sinh	005734/ĐNA-CCHN cấp ngày 12/4/2015	Hộ sinh viên	Sinh
285	Huỳnh Thị Tươi		Đại học	Hộ sinh	002121/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/10/2013	Hộ sinh viên	Sinh
286	Huỳnh Thị Thu Tuyết		Đại học	Hộ sinh	000583/ĐNA-CCHN cấp ngày 9/7/2012	Hộ sinh viên	Sinh
287	Nguyễn Thị Hồng Vân		Đại học	Hộ sinh	007128/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/10/2017	Hộ sinh viên	Sinh
288	Đặng Thị Tường Vy		Đại học	Hộ sinh	002315/ĐNA-CCHN cấp ngày 13/11/2013	Hộ sinh viên	Sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
289	Trương Thị Liễu		Đại học	Hộ sinh	001423/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Sinh
290	Dương Thị Hiền		Đại học	Hộ sinh	001047/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sinh
291	Trần Thị Thùy Trinh		Đại học	Hộ sinh	007776/ĐNA-CCHN cấp ngày 22/10/2018	Hộ sinh viên	Sản Tự nguyện
292	Phan Thị Tuyết Nga		Đại học	Hộ sinh	000974/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Kế hoạch hóa gia đình
293	Ngô Thị Trà My		Đại học	Hộ sinh	005637/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/10/2015	Hộ sinh viên	Kế hoạch hóa gia đình
294	Huỳnh Thị Thảo		Đại học	Hộ sinh	006766/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/5/2017	Hộ sinh viên	Kế hoạch hóa gia đình

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
295	Phan Thị Tư		Đại học	Hộ sinh	005131/ĐNA-CCHN cấp ngày 23/4/2015	Hộ sinh viên	Kế hoạch hóa gia đình
296	Thái Thị Điệp Từ		Đại học	Hộ sinh	006094/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/6/2016	Hộ sinh viên	Hiếm muộn
297	Nguyễn Phan Tố Uyên		Đại học	Hộ sinh	001050/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Hiếm muộn
298	Trần Thị Viết Liên		Đại học	Hộ sinh	002130/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/10/2013	Hộ sinh viên	Hiếm muộn
299	Ngô Thị Mai Quyên		Đại học	Hộ sinh	002132/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/10/2013	Hộ sinh viên	Hiếm muộn
300	Trần Thị Hồng Sang		Đại học	Hộ sinh	004504/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Hộ sinh viên	Hiếm muộn

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
301	Hồ Thị Ngọt		Đại học	Hộ sinh	008026/ĐNA-CCHN cấp ngày 26/4/2019	Hộ sinh viên	Hiếm muộn
302	Trương Thị Kim Như		Đại học	Hộ sinh	0005885/KH-CCHN cấp ngày 7/9/2017	Hộ sinh viên	Hiếm muộn
303	Huỳnh Thị Kim Dung		Đại học	Hộ sinh	000972/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
304	Lê Thị Liên		Đại học	Hộ sinh	001637/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
305	Đoàn Thị Thông		Đại học	Hộ sinh	001074/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý
306	Lê Thị Hồng		Đại học	Hộ sinh	003063/ĐNA-CCHN cấp ngày 21/1/2014	Hộ sinh viên	Sản bệnh lý

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
307	Nguyễn Thị Thương Thương		Đại học	Hộ sinh	001429/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
308	Đầu Thị Thúy		Đại học	Hộ sinh	001427/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
309	Nguyễn Thị Thu Hiền		Đại học	Hộ sinh	003671/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/4/2014	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
310	Mạc Huỳnh Thơ		Đại học	Hộ sinh	001021/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
311	Lê Thị Lụa		Đại học	Hộ sinh	001288/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
312	Đỗ Thị Thùy Ngân		Đại học	Hộ sinh	000983/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
313	Nguyễn Lê Thị Bích Ngọc		Đại học	Hộ sinh	001154/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
314	Nguyễn Thị Thanh Thủy		Đại học	Hộ sinh	001122/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
315	Nguyễn Hà Giang		Đại học	Hộ sinh	004845/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/11/2014	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
316	Trần Thị Xuân Quyên		Đại học	Hộ sinh	002389/ĐNA-CCHN cấp ngày 4/12/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
317	Dương Nguyễn Thảo Quỳnh		Đại học	Hộ sinh	002319/ĐNA-CCHN cấp ngày 13/11/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
318	Phan Thị Duy Thanh		Đại học	Hộ sinh	005636/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/12/2015	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
319	Nguyễn Thị Hiếu		Đại học	Hộ sinh	001430/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
320	Đỗ Thị Lộc		Đại học	Hộ sinh	004733/QNA-CCHN cấp ngày 8/8/2016	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
321	Đặng Thị Hảo		Đại học	Hộ sinh	001044/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
322	Nguyễn Thị Khánh		Đại học	Hộ sinh	007952/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/3/2019	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
323	Nguyễn Vũ Thanh Tâm		Đại học	Hộ sinh	007711/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/9/2018	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
324	Lê Thị Thùy Trâm		Đại học	Hộ sinh	004749/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/10/2015	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
325	Lê Nguyễn Cẩm Ly		Đại học	Hộ sinh	001438/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
326	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		Đại học	Hộ sinh	001453/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
327	Nguyễn Thị Thương Thương		Đại học	Hộ sinh	001421/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
328	Hà Thị Thủy Vân		Đại học	Hộ sinh	001409/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
329	Nguyễn Thị Duy Phương		Đại học	Hộ sinh	001418/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi
330	Nguyễn Thị Diệp Oanh		Đại học	Hộ sinh	001309/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2013	Hộ sinh viên	Hậu sản - Dưỡng nhi

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
331	Trần Thị Phương Uyên		Đại học	Hộ sinh	001147/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/12/2012	Hộ sinh viên	Phụ nội
332	Phạm Thị Thanh		Đại học	Hộ sinh	003706/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/4/2014	Hộ sinh viên	Phụ nội
333	Phạm Thị Nga		Đại học	Hộ sinh	001583/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	Hộ sinh viên	Phụ nội
334	Ông Thị Ngân		Đại học	Hộ sinh	001045/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Phụ nội
335	Võ Thị Giáng Châu		Đại học	Hộ sinh	001067/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Phụ nội
336	Trần Thị Bé Tý		Đại học	Hộ sinh	001041/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Hộ sinh viên	Phụ nội

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
337	Nguyễn Thị Phương Thảo		Đại học	Hộ sinh	007649/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/8/2018	Hộ sinh viên	Phụ nội
338	Phạm Thị Phúc		Đại học	Hộ sinh	009251/ĐNA-CCHN cấp ngày 16/7/2021	Hộ sinh viên	Phụ nội
339	Nguyễn Thị Thanh Duyên		Đại học	Hộ sinh	008897/ĐNA-CCHN cấp ngày 17/7/2020	Hộ sinh viên	Phụ nội
340	Nguyễn Thị Thuần		Đại học	Hộ sinh	000892/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Hộ sinh viên	Phụ ngoại
341	Lê Trần Anh Hiếu		Đại học	Hộ sinh	001649/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	Hộ sinh viên	Phụ ngoại
342	Mai Thị Hoa		Đại học	Hộ sinh	001169/ĐNA-CCHN cấp ngày 7/8/2013	Hộ sinh viên	Phụ ngoại

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
343	Đặng Thị Hiền		Đại học	Hộ sinh	000890/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/10/2012	Hộ sinh viên	Phụ ngoại
344	Nguyễn Thị Chín		Đại học	Hộ sinh	001445/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Phụ ngoại
345	Nguyễn Thị Hà Mỹ Hạnh		Đại học	Hộ sinh	001659/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/2/2013	Hộ sinh viên	Phụ ngoại
346	Lê Thị Hồng Loan		Đại học	Hộ sinh	001432/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/1/2013	Hộ sinh viên	Phụ ngoại
347	Mai Quỳnh Nga		Đại học	Hộ sinh	003795/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/4/2014	Hộ sinh viên	Phụ ngoại
348	Nguyễn Thị Huyền Trang		Đại học	Hộ sinh	000736 /ĐNA-CCHN cấp ngày 10/5/2012	Hộ sinh viên	Phụ ngoại

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
349	Nguyễn Thị Đào		Đại học	KTY	3672/ĐNA-CCHN cấp ngày 11/4/2014	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
350	Võ Thị Mỹ Linh		Đại học	Xét nghiệm	001137/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
351	Trần Thị Xuân Vui		Đại học	Xét nghiệm	001056/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
352	Trà Thị Quỳnh Chi		Đại học	Xét nghiệm	001057/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
353	Đoàn Thị Nhi		Đại học	Xét nghiệm	006492/ĐNA-CCHN cấp ngày 2/2/2017	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
354	Hồ Phú		Đại học	Xét nghiệm	003081/TTH-CCHN cấp ngày 29/12/2023	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
355	Nguyễn Duy Khoa		Đại học	Xét nghiệm	008476/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/10/2019	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
356	Bùi Chung Thủy		Đại học	Xét nghiệm	004307/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
357	Hoàng Linh		Đại học	KTY	004021/ĐNA-CCHN cấp ngày 26/1/2015	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
358	Nguyễn Thị Ái Nguyên		Đại học	KTY	004596/ĐNA-CCHN cấp ngày 6/9/2014	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
359	Lê Thị Lưu		Đại học	Xét nghiệm	001656/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
360	Trương Bá Hiệu		Thạc sĩ	Y học chức năng	005930/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/3/2016	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
361	Nguyễn Thị Thanh Hà		Đại học	Xét nghiệm	004318/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	thuật hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
362	Phạm Thị Kim Trâm		Đại học	Xét nghiệm	008437/ĐNA-CCHN cấp ngày 13/9/2019	thực hiện kỹ thuật chuyên môn xét nghiệm	Xét nghiệm
363	Đồng Thị Kim Ngà		Đại học	KTY	009517/ĐNA-CCHN cấp ngày 30/6/2022	thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm y học	Xét nghiệm
364	Lê Nguyễn Song Châu		Đại học	KTY	001082/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
365	Nguyễn Thị Lệ		Đại học	KTY	004302/ĐNA-CCHN cấp ngày 30/6/2014	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
366	Lê Thị Nga		Đại học	Xét nghiệm	001062/ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
367	Trần Nguyễn Hải Yến		Đại học	KTY	003041/ĐNA-CCHN cấp ngày 21/01/2014	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
368	Đào Thị Thúy Huyền		Đại học	KTY	006965/ĐNA-CCHN cấp ngày 05/9/2017	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
369	Phùng Đăng Trung		Đại học	KTY	007609/ĐNA-CCHN cấp ngày 24/7/2018	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Xét nghiệm
370	Trần Thị Hà Vy		Đại học	Xét nghiệm	000723 /ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	KTV Xét nghiệm	Xét nghiệm
371	Nguyễn Thị Hoàng Oanh		Đại học	Xét nghiệm	000722 /ĐNA-CCHN cấp ngày 29/12/2023	KTV Xét nghiệm	Xét nghiệm
372	Huỳnh Đăng Thuận		Đại học	KTY	1613/ĐNA-CCHN cấp ngày18/02/2013	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
373	Nguyễn Thị Kim Cúc		Đại học	KTY	4528/ĐNA-CCHN cấp ngày 06/9/2014	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh
374	Phạm Trần Trí		Đại học	KTY	001162/ĐNA-CCHN cấp ngày18/12/2012	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh
375	Nguyễn Minh Tới		Đại học	KTY	000805/ĐNA-CCHN cấp ngày29/10/2012	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh
376	Nguyễn Thị Tuyết Minh		Đại học	KTY	001980/ĐNA-CCHN cấp ngày 08/7/2013	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh
377	Lê Hoàng Tâm		Đại học	KTY	001661/ĐNA-CCHN cấp ngày 18/02/2013	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh
378	Nguyễn Quang Quỳnh		Đại học	KTY	001058/ĐNA-CCHN cấp ngày 28/11/2012	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
379	Trần Thanh Sơn		Đại học	KTY	007871/ĐNA-CCHN cấp ngày 15/02/2019	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh
380	Nguyễn Đình Tuấn		Đại học	KTY	001757/ĐNA-CCHN cấp ngày 06/4/2013	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học	Chẩn đoán hình ảnh
381	Trần Trương Chấn		Đại học	Cử nhân Phục hồi chức năng	008472/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/10/2019	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng
382	Hồ Thị Ngọc Châu		Đại học	Cử nhân Phục hồi chức năng	009921/ĐNA-CCHN cấp ngày 10/10/2023	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng
383	Nguyễn Thị Hoàn		Đại học	Cử nhân Phục hồi chức năng	009905/ĐNA-CCHN cấp ngày 25/9/2023	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng
384	Nguyễn Thị Hoàng Diệu		Đại học	Cử nhân Phục hồi chức năng	008900/ĐNA-CCHN cấp ngày 17/7/2020	Thực hiện Kỹ thuật chuyên môn về Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Khoa/phòng
385	Võ Thị Thảo		Đại học	Cử nhân Phục hồi chức năng	00988500/ĐNA-CCHN cấp ngày 09/11/2023	Thực hiện Kỹ thuật chuyên môn về Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng

PHỤ LỤC 3
QUY TRÌNH TIẾP NHẬN HỌC VIÊN VÀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-BVPSNĐN ngày tháng 01 năm 2025)

Người thực hiện	Các bước thực hiện	Thời gian	Mô tả
HỌC VIÊN	1. Nộp hồ sơ tại phòng Chỉ đạo tuyến	Trước ngày 20 hàng tháng	- Bộ Hồ sơ gồm có: + Đơn xin học thực hành viết tay (*theo mẫu tại Phụ lục 3a đính kèm*) + Bản sao công chứng các giấy tờ sau: • Bằng tốt nghiệp ĐH + Bảng điểm • Chứng chỉ tin học • Chứng chỉ ngoại ngữ • Giấy khám sức khỏe • CMND/ CCCD • Lý lịch/ Hộ khẩu
PHÒNG CHỈ ĐẠO TUYẾN	2. Xử lý hồ sơ	1 tuần sau khi nhận được hồ sơ đăng ký thực hành	- Hướng dẫn và giải đáp thắc mắc của học viên liên quan đến thủ tục học thực hành - Kiểm tra hồ sơ và đơn xin học thực hành của học viên. - Trình đơn xin học thực hành của học viên cho GĐ Bệnh viện - Thông báo cho học viên về quyết định của GĐ.

PHÒNG CHỈ ĐẠO TUYẾN	3. Kí kết hợp đồng đào tạo thực hành		-Trong trường hợp học viên được xét duyệt học thực hành tại BV, Phòng CĐT tiến hành soạn thảo: + Hợp đồng đào tạo; + QĐ tiếp nhập học viên học thực hành + Lên chương trình thực hành và phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên - Hẹn học viên lên kiểm tra lại Hợp đồng và tiến hành kí kết
HỌC VIÊN	4. Tham gia thực hành khám, chữa bệnh		- Sau khi kí kết hợp đồng và có QĐ tiếp nhận, học viên THAM GIA thực hành khám, chữa bệnh theo đúng chương trình đã cam kết. - Người hướng dẫn thực hành tại các khoa có trách nhiệm hướng dẫn thực hành các nội dung mà khoa đã xây dựng - Người trực tiếp hướng dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của học viên theo từng nội dung quy định trong Mẫu Phiếu đánh giá (*Phụ lục 3b đính kèm*), Việc đánh giá, nhận xét phải được thực hiện ngay sau khi học viên hoàn thành từng nội dung thực hành. Người hướng dẫn thực hành hướng dẫn nội dung nào thì phải nhận xét theo nội dung đó. - Học viên có trách nhiệm nộp lại các Phiếu đánh giá cho phòng Chỉ đạo tuyến khi hoàn thành thời gian đào tạo

PHÒNG CHỈ ĐẠO TUYẾN	5. Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành	Trong vòng 1 tuần kể từ ngày nhận được phiếu đánh giá nhận xét quá trình thực hành của học viên.	- Kết thúc thời gian thực hành, Bệnh viện Phụ sản- Nhi Đà Nẵng dựa vào đánh giá quá trình đào tạo thực hành tại các khoa để cấp - Đối với cấp GPHN KCB Y khoa phải kèm thêm phiếu nhận xét đánh giá của khoa nội, BVĐN - Căn cứ Phiếu đánh giá, nhận xét quá trình thực hành, Phòng Chỉ đạo tuyến trình GĐ Bệnh viện cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành cho học viên theo Mẫu 02 quy định tại Nghị định số 109/2016/NĐ-CP (*Phụ lục 3c đính kèm)* . - Tiến hành thanh lý hợp đồng đào tạo thực hành với học viên .

Phụ lục 3a
(Mẫu đơn xin học thực hành)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày.... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng

Họ và tên:
Ngày tháng năm sinh:
Số Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Định danh cá nhân/Hộ chiếu:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Email
Văn bằng chuyên môn:
Thời gian đăng ký thực hành: tháng
Chuyên ngành đăng ký thực hành:
-Tên chuyên ngành đăng ký
- Ghi rõ từng nguyện vọng từng khoa mình đăng ký
(ví dụ: 02 tháng khoa sản: khoa sinh, khoa sản bệnh lý)

Để có đủ điều kiện được cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Tôi đề nghị Bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng cho phép và tạo điều kiện cho tôi được thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Tôi xin cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thực hành khám bệnh, chữa bệnh và các quy định khác có liên quan của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3b

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN NHI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20……

PHIẾU NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Người hướng dẫn thực hành:
- Họ và tên:
- Số chứng chỉ hành nghề:
- Phạm vi hoạt động chuyên môn:
- Khoa, đơn vị công tác:

2. Người thực hành:
- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:
- Số căn cước công dân:
- Thời gian thực hành: *Từ ...../..../20.... đến ...../..../20....*
- Chuyên khoa đăng ký thực hành:
- Địa điểm thực hành *(ghi tên khoa thực hành):*

3. Kết quả thực hành:
- Năng lực thực hành chuyên khoa:

……
……
……
……
……
……
……
……

- Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành:

……
……
……
……
……
……

NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
(Ký ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 3c

.....[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....[2].....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GXNTH	*...[3]..., ngày..... tháng..... năm 20....*

GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

.....[2]..... xác nhận:

Ông/bà: .....
Ngày, tháng, năm sinh: .....
Địa chỉ cư trú: .....
Giấy chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu [4]:
……..……Ngày cấp…….…Nơi cấp:……..…….....

Văn bằng chuyên môn: ……[5]……. Năm tốt nghiệp:……
đã thực hành tại.....[2]..... do ……[6]…….hướng dẫn và đạt kết quả như sau:

1. Thời gian thực hành: [8] .....
2. Năng lực chuyên môn: [9].....
3. Đạo đức nghề nghiệp: [10] .....

GIÁM ĐỐC
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

---

[1] Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
[2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
[3] Địa danh.
[4] Ghi một trong ba thông tin về số chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hạn sử dụng.
[5] Ghi văn bằng theo đơn của người đăng ký thực hành.
[6] Họ và tên người chịu trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn thực hành.
[8] Ghi cụ thể thời gian thực hành từ ngày …. tháng …năm…. đến ngày…. tháng ….năm…
[9] Nhận xét cụ thể về khả năng thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo chuyên khoa đăng ký thực hành.
[10] Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.